

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hợp	Chủ tịch
Ông Trần Đoàn Thịnh	Thành viên
Bà Lê Thị Xí	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đoàn Thịnh	Giám đốc
---------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Số: 430 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2016 từ trang 03 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	
			31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.500.918.199	125.901.665.126
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.130.970.181	22.602.424.024
1. Tiền	111		5.528.288.731	7.602.424.024
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.602.681.450	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.776.784.641	72.748.059.583
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	85.556.510.170	69.707.080.388
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.989.769.650	1.417.934.250
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.400.289.221	1.673.980.265
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(169.784.400)	(50.935.320)
IV. Hàng tồn kho	140	9	15.340.319.988	23.747.134.919
1. Hàng tồn kho	141		16.400.530.141	24.263.853.795
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.060.210.153)	(516.718.876)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.252.843.389	4.804.046.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.239.170.318	3.331.255.065
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.457.510.277
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	13.673.071	15.281.258
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.906.883.082	142.667.061.347
I. Tài sản cố định	220		147.404.980.335	114.677.806.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	147.404.980.335	114.677.806.885
- Nguyên giá	222		181.812.301.819	133.368.471.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.407.321.484)	(18.690.664.569)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		93.106.000	93.106.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.106.000)	(93.106.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.428.571	22.582.296.752
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	18.428.571	22.582.296.752
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.483.474.176	5.406.957.710
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.483.474.176	5.406.957.710
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		281.407.801.281	268.568.726.473

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		93.377.854.301	81.300.084.874
I. Nợ ngắn hạn	310		93.377.854.301	81.300.084.874
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	75.022.782.479	79.073.031.017
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.470.170.314	543.386.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.813.158.426	860.389.183
4. Phải trả người lao động	314		2.542.819.739	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		687.880.617	537.416.113
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	11.166.886.954	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		674.155.772	285.862.130
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.029.946.980	187.268.641.599
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	188.029.946.980	187.268.641.599
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		175.222.845.365	175.222.845.365
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		175.222.845.365	175.222.845.365
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.931.055.044	2.931.055.044
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		128.162.657	128.162.657
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.747.883.914	8.986.578.533
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.747.883.914	8.986.578.533
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		281.407.801.281	268.568.726.473



Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Ngày 11 tháng 3 năm 2016





Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng

Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	600.765.078.892	682.677.634.552
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	59.150.000	888.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	600.705.928.892	682.676.745.952
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	571.022.244.368	657.235.783.906
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.683.684.524	25.440.962.046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		373.549.156	1.174.545.760
7. Chi phí tài chính	22		404.846.196	101.141.779
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		404.846.196	78.632.598
8. Chi phí bán hàng	25	20	2.642.552.400	2.821.489.766
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	13.145.196.073	10.316.328.035
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		13.864.639.011	13.376.548.226
11. Thu nhập khác	31		411.235.276	596.844.401
12. Chi phí khác	32		24.078.109	797.719.087
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		387.157.167	(200.874.686)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.251.796.178	13.175.673.540
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	3.420.814.052	3.188.722.315
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.830.982.126	9.986.951.225
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	556	508



Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Ngày 11 tháng 3 năm 2016



Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>14.251.796.178</i>	<i>13.175.673.540</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.716.656.915	12.775.287.073
Các khoản dự phòng	03	662.340.357	544.425.434
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(373.548.712)	(1.153.798.711)
Chi phí lãi vay	06	404.846.196	78.632.598
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>30.662.090.934</i>	<i>25.420.219.934</i>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(16.279.402.697)	(6.318.346.886)
Giảm hàng tồn kho	10	7.863.323.654	3.042.414.104
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.510.505.710	(18.785.044.303)
Giảm chi phí trả trước và các tài sản khác	12	3.474.686.745	310.651.588
Tiền lãi vay đã trả	14	(404.846.196)	(78.632.598)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.584.694.255)	(4.952.896.027)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(779.704.570)	(1.336.563.002)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>27.461.959.325</i>	<i>(2.698.197.190)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(31.703.790.344)	(18.865.052.956)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	505.377.271	1.228.398.710
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(29.198.413.073)</i>	<i>(17.636.654.246)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	131.946.277.002	25.171.822.500
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(120.779.390.048)	(25.171.822.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.901.887.049)	(6.037.197.625)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>2.264.999.905</i>	<i>(6.037.197.625)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	528.546.157	(26.372.049.061)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.602.424.024	48.974.473.085
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	23.130.970.181	22.602.424.024

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí - (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4300429492 ngày 02 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 14 tháng 4 năm 2015 với vốn điều lệ là 175.222.840.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 322 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 320).

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn nắm giữ 96,53% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- In ấn trên các sản phẩm bao bì;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Điều hành tour du lịch;
- Bán buôn gạo, đồ uống;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác: Mua, bán bã sắn; Mua, bán tro bay; Mua, bán xi tan;
- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, chiếu sáng công cộng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cung cấp quản lý các dịch vụ nhà ở cao tầng: giữ gìn vệ sinh, trật tự, dịch vụ điện, nước, trông giữ xe đạp, xe máy;
- Vận hành bảo trì thang máy, sửa chữa duy tu cải tạo công trình, quản lý khu công cộng trong nhà chung cư, khai thác các dịch vụ kỹ thuật;
- Dịch vụ vệ sinh môi trường: thu gom và vận chuyển rác thải, chất thải rắn;
- Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;
- Quản lý chăm sóc vườn hoa thảm cỏ, công viên cây xanh, cây xanh đường phố;
- Quản lý khai thác dịch vụ thể thao: Tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mặt nước và các trò chơi khác trong công viên, sân bãi, bơi thuyền, công viên nước, câu cá giải trí;
- Khai thác dịch vụ sân bãi đỗ xe tại các đô thị;
- Đại lý xăng dầu;
- Khai thác và quản lý các dịch vụ văn phòng: cung cấp các dịch vụ bảo vệ trong các dự án đầu tư nhà ở và khu đô thị;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt tại các đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- Mua bán hạt nhựa;
- Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Tổ chức sự kiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng đối với hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 18
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	366.508.099	339.507.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.161.780.632	7.262.916.512
Các khoản tương đương tiền (i)	17.602.681.450	15.000.000.000
	23.130.970.181	22.602.424.024

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần nhựa OPEC	69.333.032.687	64.350.694.370
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	10.831.026.851	-
Các đối tượng khác	5.392.450.632	5.356.386.018
	85.556.510.170	69.707.080.388
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	10.903.842.451	628.079.100

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn
 Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự thu	32.168.664	163.997.223
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	185.263.173	238.016.987
Ký cược, ký quỹ	130.180.848	80.000.000
Các khoản phải thu khác	1.052.676.536	1.191.966.055
	1.400.289.221	1.673.980.265

8. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND	(tháng)	VND	VND	(tháng)
Phải thu khó có khả năng thu hồi	169.784.400	-		169.784.400	118.849.080	
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	169.784.400	-	30	169.784.400	118.849.080	18

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản nợ phải thu trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.550.618.278	(685.087.768)	11.301.895.728	-
Công cụ, dụng cụ	1.435.561.858	-	1.047.268.705	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.108.703.906	-	3.238.902.965	-
Thành phẩm	7.189.697.985	(375.122.385)	8.499.632.625	(516.718.876)
Hàng hoá	115.948.114	-	176.153.772	-
Cộng	16.400.530.141	(1.060.210.153)	24.263.853.795	(516.718.876)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số thành phẩm và nguyên vật liệu có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền lần lượt là 375.122.385 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 516.718.876 đồng) và 685.087.768 đồng.

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 141.596.491 đồng do Công ty đã bán được một số lượng hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍKhu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.941.620.586	2.822.898.157
Chi phí mua bảo hiểm	184.356.045	115.502.196
Chi phí thuê văn phòng Hà Nội	224.616.365	-
Phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn	-	63.143.771
Khác	888.577.322	329.710.941
Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	182.098.449	1.626.256.716
Chi phí đầu tư, cải tạo trường mầm non khu Vạn Tường	-	155.445.858
Chi phí mở rộng nhà hàng	82.749.183	281.347.239
Chi phí cải tạo tường rào khu Vạn Tường	96.818.381	329.182.495
Chi phí cải tạo hồ bơi khu Vạn Tường	497.343.906	994.687.830
Chi phí mở rộng nhà chờ khu du lịch	311.639.807	352.288.475
Chi phí nâng cấp khu 28ha	268.122.271	670.305.679
Chi phí sơn mặt ngoài khu nhà ở O&M	182.638.482	456.596.166
Khác	1.862.063.697	540.847.252
	6.722.644.494	8.738.212.775

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	58.015.506.124	66.198.280.709	9.154.684.621	133.368.471.454
Mua sắm trong năm	3.143.430.000	1.768.061.414	20.825.190.909	25.736.682.323
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	21.085.450.204	1.621.697.838	-	22.707.148.042
Tại ngày 31/12/2015	82.244.386.328	69.588.039.961	29.979.875.530	181.812.301.819
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	6.276.887.240	10.231.351.649	2.182.425.680	18.690.664.569
Khấu hao trong năm	5.978.089.154	7.262.017.408	2.476.550.353	15.716.656.915
Tại ngày 31/12/2015	12.254.976.394	17.493.369.057	4.658.976.033	34.407.321.484
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	69.989.409.934	52.094.670.904	25.320.899.497	147.404.980.335
Tại ngày 31/12/2014	51.738.618.884	55.966.929.060	6.972.258.941	114.677.806.885

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.513.525.682 đồng (tại ngày 13 tháng 12 năm 2014: 1.479.709.171 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Giá trị chuyển nhượng nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc Khu đô thị bao thành phố Quảng Ngãi	-	20.765.133.707
Dự án IIIA1, Khu dân cư đô thị bao thành phố Quảng Ngãi	-	177.036.636
Dự án 4,93 Ha - Kho hạt nhựa và khu nhà ở thuộc khu 28ha, thành phố Vạn Tường	18.428.571	18.428.571
Khác	-	1.621.697.838
	18.428.571	22.582.296.752

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	71.877.799.426	66.689.696.059
Ban QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	-	5.558.357.000
Các đối tượng khác	3.144.983.053	6.824.977.958
	75.022.782.479	79.073.031.017
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	72.072.508.076	72.486.822.759

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.731.527.420	2.614.877.974	1.116.649.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	860.389.183	3.420.814.052	3.584.694.255	696.508.980
Thuế thu nhập cá nhân	(15.281.258)	90.006.991	88.398.804	(13.673.071)
Thuế nhà đất	-	538.525.222	538.525.222	-
Các khoản phí, lệ phí	-	1.280.300.000	1.280.300.000	-
Các khoản thuế khác	-	43.234.091	43.234.091	-
Cộng	845.107.925	9.104.407.776	8.150.030.346	1.799.485.355
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu</i>	<i>15.281.258</i>			<i>13.673.071</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>860.389.183</i>			<i>1.813.158.426</i>

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi nhằm mục đích thanh toán tiền mua hạt nhựa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất là 5%/năm. Thời hạn của khoản vay là 1 tháng, Công ty sẽ thanh toán toàn bộ lãi vay và gốc vay vào ngày 28 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍKhu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	7.571.620.270	185.853.683.336
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.986.951.225	9.986.951.225
Tặng khác	-	-	-	150.479.167	150.479.167
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(1.880.416.727)	(1.880.416.727)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.825.396.310)	(6.825.396.310)
Giảm khác	-	-	-	(16.659.092)	(16.659.092)
Tại ngày 01/01/2015	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	8.986.578.533	187.268.641.599
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.830.982.126	10.830.982.126
Tặng khác	-	-	-	1.677.570	1.677.570
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(1.167.998.212)	(1.167.998.212)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(8.903.356.103)	(8.903.356.103)
Tại ngày 31/12/2015	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	9.747.883.914	188.029.946.980

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 08/NQ-PVBLD ngày 16 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 với số tiền là 84.900.000 đồng. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 với số tiền là 1.083.098.212 đồng.

Bên cạnh đó, Đại hội đồng cổ đông Công ty cũng quyết định chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013, 2014 với số tiền là 8.903.356.103 đồng.

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 18 ngày 14 tháng 4 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty đã được góp như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	169.142.845.365	96,53	169.142.845.365	96,53
Nhà khách Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	3,14
Cán bộ công nhân viên Công ty	580.000.000	0,33	580.000.000	0,33
	175.222.845.365	100	175.222.845.365	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hạt nhựa	382.238.531.506	437.607.435.784
Doanh thu bán Pallet	38.838.701.000	32.740.100.455
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý nhà	14.395.056.742	11.019.933.926
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	6.662.208.548	12.624.082.796
Doanh thu cung cấp dịch vụ nhà hàng	5.746.736.502	7.117.305.200
Doanh thu kinh doanh sản phẩm của Nhà máy Bao bì	99.535.691.898	86.340.928.014
Doanh thu cung cấp sản lát	23.846.044.258	74.501.531.750
Doanh thu dịch vụ khác	29.502.108.438	20.726.316.627
	600.765.078.892	682.677.634.552
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	198.913.982.497	213.700.774.051
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Hàng bán bị trả lại	59.150.000	888.600
	59.150.000	888.600
	600.705.928.892	682.676.745.952

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn bán hạt nhựa	379.540.570.956	435.381.843.461
Giá vốn bán Pallet	37.950.000.016	31.990.908.483
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý nhà	9.854.953.443	8.282.638.324
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà	7.775.717.454	8.704.807.995
Giá vốn cung cấp dịch vụ nhà hàng	6.056.652.641	7.572.253.895
Giá vốn sản phẩm Nhà máy Bao bì	80.682.499.570	75.402.253.990
Giá vốn cung cấp sản lát	23.445.509.786	73.184.555.500
Giá vốn dịch vụ khác	25.716.340.502	16.716.522.258
	571.022.244.368	657.235.783.906

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.935.011.355	70.391.767.021
Chi phí nhân công	27.350.984.251	22.306.139.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.716.656.915	12.775.287.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.619.207.290	18.864.606.729
Chi phí khác bằng tiền	2.988.070.379	2.040.183.371
	140.609.930.190	126.377.983.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.143.448.623	1.155.011.430
Chi phí công cụ dụng cụ và các khoản phân bổ	11.452.244	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.119.996	52.119.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.199.064.921	1.497.612.303
Chi phí khác bằng tiền	236.466.616	116.746.037
	2.642.552.400	2.821.489.766
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	6.806.043.781	5.153.239.890
Chi phí công cụ dụng cụ và các khoản phân bổ	786.960.022	660.448.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.605.654.891	1.546.585.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.065.216.935	2.140.639.376
Chi phí khác bằng tiền	1.881.320.444	815.414.816
	13.145.196.073	10.316.328.035

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	14.251.796.178	13.175.673.540
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>54.239.640</i>	<i>51.320.880</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.351.598.242</i>	<i>1.369.839.679</i>
Thu nhập chịu thuế	15.549.154.780	14.494.192.339
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.420.814.052	3.188.722.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.420.814.052	3.188.722.315

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.830.982.126	9.986.951.225
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.083.098.212)	(1.083.595.123)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.747.883.914	8.903.356.102
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	556	508

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Ngày 14 tháng 8 năm 2013, Công ty đã ký Hợp đồng số 142/HĐTVP với Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội về việc thuê văn phòng đại diện tại Hà Nội với giá thuê là 336.924.545 đồng/năm (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng), thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	11.166.886.954	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	23.130.970.181	22.602.424.024
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	188.199.830.979	187.268.641.599
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.130.970.181	22.602.424.024
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.493.922.534	70.629.231.177
Tổng cộng	109.624.892.715	95.231.655.201
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	75.664.987.710	79.523.614.983
Vay ngắn hạn	11.166.886.954	-
Tổng cộng	86.831.874.664	79.523.614.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá và lãi suất trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ngoại trừ một số khoản phải thu quá hạn thanh toán đã được Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền khoảng 169 triệu đồng, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.130.970.181	-	23.130.970.181
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.493.922.534	-	86.493.922.534
Tổng cộng	109.624.892.715	-	109.624.892.715
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	75.664.987.710	-	75.664.987.710
Vay ngắn hạn	11.166.886.954	-	11.166.886.954
Tổng cộng	86.831.874.664	-	86.831.874.664
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.793.018.051	-	22.793.018.051
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
(Trình bày lại)			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.602.424.024	-	22.602.424.024
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.629.231.177	-	70.629.231.177
Tổng cộng	95.231.655.201	-	95.231.655.201
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	79.523.614.983	-	79.523.614.983
Tổng cộng	79.523.614.983	-	79.523.614.983
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.708.040.218	-	15.708.040.218

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍKhu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Cùng chủ sở hữu
Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Nhà khách Cẩm Thành	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	198.913.982.497	213.700.774.051
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	26.017.542.233	15.002.670.583
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	146.464.570.976	121.259.688.939
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	25.178.218.258	76.345.367.750
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	-	13.636.364
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	615.751.000	742.895.880
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	10.909.091	65.454.540
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	626.990.939	271.059.995
Mua hàng	393.618.605.357	459.158.891.973
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	615.751.000	691.575.000
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	389.268.170.613	455.268.559.168
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.300.000	6.850.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thương mại Sông Trà	1.488.259.519	1.748.465.822
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	2.113.367.490	1.335.195.522
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	131.756.735	108.246.461
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	1.539.750.000	679.200.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng	10.903.842.451	628.079.100
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	72.815.600	166.489.400
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	10.831.026.851	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	230.589.700
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	-	231.000.000
Khách hàng trả tiền trước	-	543.386.431
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	543.386.431
Phải trả người bán	72.072.508.076	72.486.822.759
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	71.877.799.426	66.689.696.059
Ban QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	-	5.558.357.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	194.708.650	108.180.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	-	130.589.700

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍKhu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau (Tiếp theo):

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khác	504.814.246	520.638.886
Ban QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	335.029.846	335.029.846
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	15.824.640

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Các khoản phải thu khác	135	1.355.963.278	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.673.980.265	Trình bày lại, đổi mã số và đổi tên
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	318.016.987	2. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Trình bày lại và đổi mã số

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	570	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	508	Trình bày lại
-----------------------------	----	-----	-----------------------------	----	-----	---------------


Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Ngày 11 tháng 3 năm 2016


Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởngTrần Đoàn Thịnh
Giám đốc